TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2024.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Ngô Bảo Duy– kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 29/2024/QĐST-HN ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày**:

Tôi và anh Nguyễn Hồng Đ sống chung với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 10/02/2004. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Nay tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Đ.

Về con chung: có 03 con chung tên:

- Nguyễn Hồng Quốc B, sinh ngày 31/7/2013.

- Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 19/11/2016.

- Nguyễn Hồng Quốc T, sinh ngày 18/7/2004 (đã trưởng thành).

Đối với con chung Nguyễn Hồng Quốc T, sinh ngày 18/7/2004 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với hai con chung B và Y đang sống chung với anh Đ, nay ly hôn tôi đồng ý giao cả 02 con chung B và Y cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hồng Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến, cũng không có ý kiến trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T với anh Nguyễn Hồng Đ. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng Quốc B, sinh ngày 31/7/2013 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 19/11/2016 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên

căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Đ.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Hồng Đ sống chung với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 10/02/2004. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Anh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, cho thấy anh Đ đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Thương. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Về con chung: có 03 con chung tên:

- Nguyễn Hồng Quốc B, sinh ngày 31/7/2013.

- Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 19/11/2016.

- Nguyễn Hồng Quốc T, sinh ngày 18/7/2004 (đã trưởng thành).

Đối với con chung tên Nguyễn Hồng Quốc T, sinh ngày 18/7/2004 (đã trưởng thành) nên không đặt ra giải quyết.

Đối với hai con chung tên Nguyễn Hồng Quốc B, sinh ngày 31/7/2013 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 19/11/2016. Hiện nay hai con chung đang sống chung với anh Đ nên nay ly hôn, chị T yêu cầu giao cả hai con chung B và Y cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[5].Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Đ.

- Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hồng Quốc B, sinh ngày 31/7/2013 và Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 19/11/2016 cho anh Nguyễn Hồng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi hai con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009194 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ nên xem như chị T đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh